

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC LỚP TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2021-2023, 2022-2024

(Đính kèm Thông báo 162/TB-HĐTN ngày 09/9/2025 của Hội đồng thi tốt nghiệp các
lớp trung cấp chính quy năm 2025)

STT	SBD	Mã số HSSV	Họ và tên HSSV		Ngày sinh	Điểm thi			Ghi chú
						Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp	
1. Lớp TCCQ Y sỹ 30 (Khóa học 2021-2023)_ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2									
1	YS01	C21107002	Lê Hoàng	Diệp	28/7/2002	8,5	6,5	6,0	
2. Lớp TCCQ Y sỹ đa khoa 31 (Khóa học 2022-2024)_ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2									
2	YS02	C22107024	Nguyễn Nguyễn	Nguyễn	16/7/2002		7,0	6,0	
3. Lớp TCCQ Y học cổ truyền 11 (Khóa học 2022-2024)_ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2									
3	YHCT01	C20108008	Trịnh Mai	Phuong	05/10/2002		8,5	8,0	
4. Lớp 23TC.YHCT.12 (Khóa học 2023-2025)									
4	YHCT02	23T1CT012001	Nguyễn Đức	Anh	14/12/1996		7,5	7,5	
5	YHCT03	23T1CT012008	Nguyễn Thị Thùy	Phuong	18/3/2005		8,5	7,0	
6	YHCT04	23T1CT012015	Nguyễn Hà	Nam	19/9/1997		9,0	7,5	
7	YHCT05	23T1CT012002	Châu Thị Kim	Ái	26/12/2005		8,0	7,0	
8	YHCT06	23T1CT012010	Nguyễn Thị Mỹ	Thắm	22/6/2004		8,0	7,5	
9	YHCT07	23T1CT012003	Nguyễn Ngọc Tâm	Đoan	24/02/2005		9,0	7,5	
10	YHCT08	23T1CT012011	Nguyễn Trà	Thơ	20/6/1997		9,5	7,0	
11	YHCT09	23T1CT012004	Nguyễn Phương Gia	Hân	29/11/2005		10	7,5	
12	YHCT10	23T1CT012005	Đỗ Ngọc Hòa	Hiệp	28/11/2005		5,5	5,5	
13	YHCT11	23T1CT012012	Châu Chí	Tinh	24/3/2002		9,0	7,0	
14	YHCT12	23T1CT012013	Lê Thị Thanh	Trúc	06/10/2005		9,0	8,5	
15	YHCT13	23T1CT012006	Bạch Thùy	Huong	30/9/2004		9,0	8,0	
16	YHCT14	23T1CT012007	Nguyễn	Lân	06/3/2005		8,0	5,5	
17	YHCT15	23T1CT012014	Lê Đức	Mạnh	25/01/1994		9,5	8,0	
5. Lớp 23TC.YS.32 (Khóa học 2023-2025)									
18	YS03	23T1YS032001	Sử Quốc	An	08/9/2005		8,0	7,5	
19	YS04	23T1YS032002	Đặng Châu	Anh	01/9/2005		8,0	7,0	
20	YS05	23T1YS032003	Hoàng Thị Vân	Anh	23/6/2003		8,0	8,0	
21	YS06	23T1YS032004	Võ Hồng	Anh	31/12/2002		8,5	6,0	
22	YS07	23T1YS032005	Kon Gôr Mỹ	Chuyên	15/3/2005		7,5	6,0	
23	YS08	23T1YS032009	Lê Văn	Lợi.	28/6/2005		7,5	6,0	

STT	SBD	Mã số HSSV	Họ và tên HSSV	Ngày sinh	Điểm thi			Ghi chú
					Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp	
24	YS09	23T1YS032011	Đỗ Ngọc Tú Nhi	11/9/2005		6,5	6,0	
25	YS10	23T1YS032012	Đinh Lê Yến Như	04/9/2005		7,0	8,0	
26	YS11	23T1YS032013	Hoàng Huyền Quỳnh Như	17/5/2005		7,0	7,0	
27	YS12	23T1YS032014	Lưu Thị Minh Phương	10/12/1999		8,0	8,0	
28	YS13	23T1YS032015	Trần Nguyễn Trung Tín	01/8/2005		6,5	7,0	
29	YS14	23T1YS032019	Trần Nguyễn Minh Hiền	19/02/2005		7,5	8,5	
30	YS15	23T1YS032020	Cao Lê Quỳnh	19/01/2005		7,0	6,5	
31	YS16	23T1YS032021	Đỗ Mạnh Tuấn	25/4/1999		8,5	8,0	
32	YS17	23T1YS032022	Vũ Nguyễn Hoàng Tuấn	08/10/2005		8,5	8,0	
33	YS18	23T1YS032023	Trương Thị Hồng Ngoại	19/3/1998		8,0	6,5	
34	YS19	23T1YS032024	Nguyễn Hoàng Yến	08/4/2003		8,5	9,0	

